

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2021				01/01/2021			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	65.610	4.446.420.000	(2.438.754.000)	2.007.666.000	65.610	4.446.420.000	(3.337.611.000)	1.108.809.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vàng Bạc Đá Quý Phương Nam	10.000	400.000.000	(379.192.650)	20.807.350	10.000	400.000.000	(379.192.650)	20.807.350
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn	82	820.000	-	820.000	82	820.000	-	820.000
Công ty Cổ Phần Phương Mai Bay (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Thanh Niên Bình Định)(*)	750.000	7.500.000.000	(256.699.333)	7.243.300.667	-	7.500.000.000	(256.699.333)	-
Cộng	75.692	12.347.240.000	(3.074.645.983)	9.272.594.017	75.692	12.347.240.000	(3.973.502.983)	1.130.436.350

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc thời kỳ tài chính.

(*) Đến ngày 30/06/2021, Công ty góp bằng tiền gửi ngân hàng 7,5 tỷ đồng vào Công ty Cổ Phần Phương Mai Bay (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Thanh Niên Bình Định); vốn cam kết góp là 55.200.000.000 VND (5.520.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Phương Mai Bay). Công ty CP Phương Mai Bay được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100966210 ngày 02 tháng 10 năm 2019, thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp. Công ty CP Phương Mai Bay vẫn đang trong giai đoạn triển khai dự án. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầy đủ theo BCTC chưa được kiểm toán năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII.15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	56.258.305.020	(52.082.975.772)	54.103.305.020	(52.082.975.772)	4.175.329.248	2.020.329.248
- Phải thu về cho vay	235.000.000.000	-	235.000.000.000	-	235.000.000.000	235.000.000.000
- Phải thu khác	791.687.139.831	(14.048.006.949)	790.660.825.906	(14.048.006.949)	777.639.132.882	776.612.818.957
- Tiền và các khoản tương đương tiền	487.951.653	-	613.098.152	-	487.951.653	613.098.152
TỔNG CỘNG	1.083.433.396.504	(66.130.982.721)	1.080.377.229.078	(66.130.982.721)	1.017.302.413.783	1.014.246.246.357
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	1.571.134.763	-	2.222.734.769	-	1.571.134.763	2.222.734.769
- Phải trả người bán	9.413.476.732	-	31.834.604.150	-	9.413.476.732	31.834.604.150
- Phải trả khác	600.862.813.923	-	572.496.828.675	-	600.862.813.923	572.496.828.675
TỔNG CỘNG	611.847.425.418	-	606.554.167.594	-	611.847.425.418	606.554.167.594